

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/HS-ST

Ngày: 19-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2019/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐ-HSST ngày 05/7/2019, đối với bị cáo:

Nguyễn L, sinh năm 1994, tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Phú H, huyện N, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn U, sinh năm 1975 và bà Phan D, sinh năm 1978; có vợ là Thái K, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2019 đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn L1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn T, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn L, sinh sống tại phòng trọ số 09 nhà trọ Dương L thuộc ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Tối ngày 31/3/2019, L tổ chức uống rượu bia cùng ông Nguyễn Q là chủ nhà trọ tại phòng trọ số 9 của L. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày 31/3/2019 thì L và ông Q ngưng uống rượu, ông Q đi về. L đi ngang qua phòng trọ số 8 thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng, xám, bạc biển số 61V2-3309 có sẵn chìa khóa trong ổ khóa của ông Nguyễn L1 dựng trước phòng trọ không có người trong giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô làm phương tiện đi lại. L lén lút dắt xe mô tô biển số 61V2-3309 ra cổng khởi động máy, điều khiển chạy đến nhà trọ của gia đình tại huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. Nhằm tránh sự phát hiện, trên đường đi L dùng xe ven đường tháo vớt bỏ biển số 61V2-3309.

Ngay sau đó, ông Nguyễn L1 phát hiện mất xe nên nói chuyện cho mọi người chung dãy trọ biết thì chị Phạm L2 là bạn gái của L nghi ngờ nên điện thoại hỏi L có lấy xe mô tô biển số 61V2-3309 của ông L1 hay không thì L thừa nhận và kêu L quay về phòng trọ trả xe, L đồng ý. Trên đường L quay về đến trạm xăng dầu thuộc khu vực ấp T, xã T, thị xã C thì bị ông Nguyễn L1 cùng quần chúng nhân dân bắt giữ giao Công an xã T.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61V2-3309.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 2/4/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã C xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61V2-3309 đã qua sử dụng trị giá 10.500.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61V2-3309 qua xác minh là của ông Nguyễn T là cha của ông Nguyễn L1 đứng tên sở hữu, ông T cho ông L1 sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Ngày 10/5/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao trả xe mô tô cho ông T. Ông T và ông L1 không có yêu cầu bồi thường gì dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 18/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Vũ Linh về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng truy tố và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L từ 6 đến 8 tháng tù.

Bị cáo không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Do thấy tài sản không có người trong coi, bị cáo nhất thời nảy sinh lòng tham nên đã chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn L là xe mô tô biển số 61V2-3309 trị giá 10.500.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi lợi dụng sự lơ đãng trong quản lý tài sản của chủ sở hữu bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt với tổng giá trị tài sản là 10.500.000 đồng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do vậy, bản Cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 18/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức án tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhưng có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ các nhận định trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vấn đề trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Công an thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên